

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ NAM ĐỊNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 27

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban điều hành Công ty Cổ phần Công trình đô thị Nam Định trình bày Báo cáo này cùng Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Nam Định (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty Công trình Đô thị Nam Định. Công ty sau đó được chuyển đổi thành Công ty TNHH Một thành viên Công trình Đô thị Nam Định theo Quyết định số 3134/QĐ-UBND ngày 18/12/2007 của UBND tỉnh Nam Định. Từ ngày 01/08/2016, Công ty chuyển đổi hình thức sở hữu vốn từ Công ty TNHH MTV thành công ty cổ phần. Công ty hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp là 0600001446, do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định cấp lần đầu ngày 28/12/2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 14/11/2018.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 3 ngày 14/11/2018 là: 18.416.170.000 đồng (*Bằng chữ: Mười tám tỷ, bốn trăm mười sáu triệu, một trăm bảy mươi nghìn đồng*).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: NAM DINH URBAND CONSTRUCTION MANAGEMENT JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là: UCMC.JSC.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang được giao dịch trên sàn UpCOM với mã giao dịch là UMC.

Trụ sở chính Công ty đặt tại số 89 đường Quang Trung, phường Quang Trung, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đỗ Minh Dũng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Phạm Thái Sơn	Thành viên
Ông Lê Chí Hiền	Thành viên
Bà Phạm Thị Hải Quỳnh	Thành viên
Bà Đinh Thị Hằng	Thành viên

(Được bầu ngày 24/4/2021)

Ban Kiểm soát

Ông Trần Việt Dũng	Trưởng ban
Bà Trần Thị Trung Hậu	Thành viên
Bà Nguyễn Thu Hiền	Thành viên

Ban Điều hành

Ông Phạm Thái Sơn	Giám đốc
Ông Lê Chí Hiền	Phó Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban điều hành, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP THEO)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá, dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Điều hành xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Điều hành,



Đỗ Minh Dũng

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Nam Định, ngày 22 tháng 3 năm 2022

Số: 90/2022/BCKT-CPA VIETNAM-NV4

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành
Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Nam Định

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Nam Định được lập ngày 22/3/2022 từ trang 06 đến trang 27, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Tài Dũng**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 0133-2018-137-1

*Giấy Ủy quyền số 14/2022/UQ-CPA VIETNAM
ngày 03/01/2022 của Phó Chủ tịch HĐQT*

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT***Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2022*

Trần Minh Nghiệp**Kiểm toán viên**

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 4937-2019-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

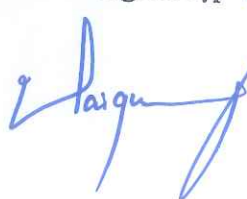
TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		23.642.576.265	20.186.742.314
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	9.341.027.499	11.913.935.767
1. Tiền	111		5.341.027.499	4.913.935.767
2. Các khoản tương đương tiền	112		4.000.000.000	7.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		13.286.910.046	8.066.559.892
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	5.420.143.250	4.608.428.820
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		20.000.000	-
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.3	7.121.655.886	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	725.110.910	3.458.131.072
IV. Hàng tồn kho	140	5.5	399.004.389	85.902.620
1. Hàng tồn kho	141		399.004.389	85.902.620
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		615.634.331	120.344.035
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	17.180.000	-
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.9	598.454.331	120.344.035
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+260)	200		11.586.027.246	12.771.948.950
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		125.000.000	-
1. Phải thu dài hạn khác	216		125.000.000	-
II. Tài sản cố định	220		11.454.205.003	11.500.143.580
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	6.965.463.003	7.011.401.580
- Nguyên giá	222		51.661.990.094	50.497.832.367
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(44.696.527.091)	(43.486.430.787)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.7	4.488.742.000	4.488.742.000
- Nguyên giá	228		4.488.742.000	4.488.742.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	1.164.157.727
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	1.164.157.727
VI. Tài sản dài hạn khác	260		6.822.243	107.647.643
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	6.822.243	107.647.643
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		35.228.603.511	32.958.691.264

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

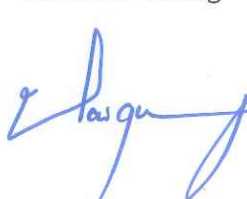
NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		8.630.865.406	5.600.938.726
I. Nợ ngắn hạn	310		8.241.451.106	5.291.288.426
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		133.000	133.000
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.663.011.947	841.976.347
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.9	320.262.573	128.762.880
4. Phải trả người lao động	314		1.030.872.000	1.000.000.000
5. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	2.629.243.422
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.10	5.141.474.921	634.760.005
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		85.696.665	56.412.772
II. Nợ dài hạn	330		389.414.300	309.650.300
1. Phải trả dài hạn khác	337	5.10	389.414.300	309.650.300
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		26.597.738.105	27.357.752.537
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.11	18.776.578.136	18.993.328.568
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		18.416.170.000	18.416.170.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		217.237.468	163.725.486
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		143.170.668	413.433.082
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		143.170.668	413.433.082
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	5.12	7.821.159.969	8.364.423.969
1. Nguồn kinh phí	431		128.000	(28.496.000)
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		7.821.031.969	8.392.919.969
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		35.228.603.511	32.958.691.264

Người lập



Phạm Thị Hải Quỳnh

Kế toán trưởng



Phạm Thị Hải Quỳnh

Nam Định, ngày 22 tháng 3 năm 2022

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



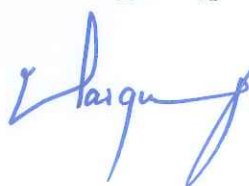
Đỗ Minh Dũng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

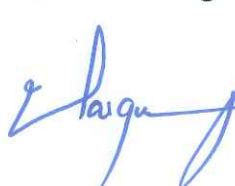
CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	52.136.713.182	53.063.222.226
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		52.136.713.182	53.063.222.226
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	46.005.984.444	47.092.941.568
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		6.130.728.738	5.970.280.658
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	641.341.260	927.772.891
7. Chi phí tài chính	22		-	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.4	6.137.941.274	5.725.212.526
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+(21-22)-(25+26))	30		634.128.724	1.172.841.023
11. Thu nhập khác	31	6.5	212.584.440	253.207.150
12. Chi phí khác	32	6.6	15.600.000	20.635.000
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		196.984.440	232.572.150
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		831.113.164	1.405.413.173
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	116.355.844	199.646.744
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		714.757.320	1.205.766.429
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.8	214	467

Người lập



Phạm Thị Hải Quỳnh

Kế toán trưởng



Phạm Thị Hải Quỳnh

Nam Định, ngày 22 tháng 3 năm 2022

Chủ tịch Hội đồng Quản trị




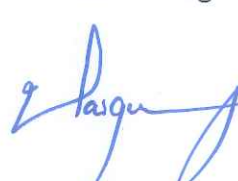
Đỗ Minh Dũng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		53.927.661.418	55.993.066.870
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(24.022.161.343)	(29.416.519.654)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(21.864.838.298)	(22.006.622.000)
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(544.000.000)	(392.000.000)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		23.983.282.058	44.086.019.774
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(29.776.056.382)	(47.731.161.020)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1.703.887.453	532.783.970
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các Tài sản dài hạn khác	21		-	(1.164.157.727)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(9.590.749.267)	(10.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		5.502.896.386	10.000.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		359.642.260	1.327.592.891
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(3.728.210.621)	163.435.164
III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(548.585.100)	(559.902.090)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(548.585.100)	(559.902.090)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(2.572.908.268)	136.317.044
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		11.913.935.767	11.777.618.723
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5.1	9.341.027.499	11.913.935.767

Nam Định, ngày 22 tháng 3 năm 2022

Người lập

Phạm Thị Hải Quỳnh

Kế toán trưởng

Phạm Thị Hải Quỳnh

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Đỗ Minh Dũng



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**1.1 Hình thức sở hữu**

Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Nam Định tiền thân là Công ty Công trình Đô thị Nam Định. Công ty sau đó được chuyển đổi thành Công ty TNHH Một thành viên Công trình Đô thị Nam Định theo Quyết định số 3134/QĐ-UBND ngày 18/12/2007 của UBND tỉnh Nam Định. Từ ngày 01/08/2016, Công ty chuyển đổi hình thức sở hữu vốn từ Công ty TNHH MTV thành Công ty cổ phần. Công ty hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp là 0600001446, do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định cấp lần đầu ngày 28/12/2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 14/11/2018.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 3 ngày 14/11/2018 là: 18.416.170.000 đồng (*Bằng chữ: Mười tám tỷ, bốn trăm mười sáu triệu, một trăm bảy mươi nghìn đồng*), mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng, tổng số cổ phần: 1.841.617 (Cổ phần).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: NAM DINH URBAND CONSTRUCTION MANAGEMENT JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là: UCMC.JSC.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang được giao dịch trên sàn UpCOM với mã giao dịch là UMC.

Trụ sở chính Công ty đặt tại số 89 đường Quang Trung, phường Quang Trung, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định, Việt Nam.

Số lao động bình quân trong năm 2021: 219 người (năm 2020: 220 người).

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực công ích (điện chiếu sáng công cộng, công viên nội thành, thoát nước trong thành phố), dịch vụ tang lễ và xây dựng các công trình dân dụng, hạ tầng đô thị.

1.3 Ngành nghề kinh doanh chính

- Quản lý, khai thác, vận hành các công trình: điện chiếu sáng công cộng, hệ thống tiêu thoát nước, hệ thống xử lý nước thải, hệ thống đường hè phố, công viên, thảm cỏ, cây xanh;
- Quản lý bảo trì đường đô thị;
- Dịch vụ công cộng: vệ sinh môi trường công cộng; quản lý công viên; trồng và quản lý chăm sóc cây xanh, hoa cảnh vỉa hè, đường phố, dải phân cách, vòng xoay, quản lý nghĩa trang, hỏa tang;
- Xây dựng, phục chế, trùng tu, tôn tạo, sửa chữa các công trình văn hóa;
- Tư vấn giám sát thi công, kỹ thuật xây dựng các công trình: dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật và trang trí nội ngoại thất;
- Dịch vụ tang lễ, nhà tang lễ, khai thác các nghĩa trang nhân dân.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban điều hành Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Văn Phòng Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc và thiết bị	05 - 15
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị văn phòng	03 - 10

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Đối với Tài sản cố định thuộc lĩnh vực hoạt động công ích thì phần hao mòn của tài sản cố định này không tính vào Chi phí hoạt động kinh doanh của công ty mà giảm trừ vào “Nguồn kinh phí đã hình thành Tài sản cố định”.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình bao gồm quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới diện tích đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ...

Quyền sử dụng đất lâu dài của công ty không trích khấu hao.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm: công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa và chi phí khác.

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng, chi phí sửa chữa và chi phí khác được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Nguyên tắc kế toán chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và

Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm giá vốn của dịch vụ, hoạt động xây lắp đã bán trong năm (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa) được ghi nhận phù hợp với doanh thu trong năm.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Năm 2021, công ty được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Nghị quyết số 406/NQ-UBTVQH15 ngày 19/10/2021 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về việc giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2021 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác và Nghị định số 92/2021/NĐ-CP ngày 27/10/2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 406/NQ-UBTVQH15 ngày 19/10/2021 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về việc giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2021 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Điều hành cho rằng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty là cung cấp dịch vụ công ích và chủ yếu hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	26.357.227	13.905.690
Tiền gửi ngân hàng	5.314.670.272	4.900.030.077
Các khoản tương đương tiền (i)	4.000.000.000	7.000.000.000
Tổng	9.341.027.499	11.913.935.767

(i) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các Ngân hàng Thương mại với lãi suất từ 3,3%/năm đến 3,4%/năm.

5.2 Phải thu của khách hàng	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Ngắn hạn	5.420.143.250	4.608.428.820
Phòng Tài chính thành phố Nam Định	2.459.278.829	2.235.631.719
Phòng quản lý đô thị thành phố Nam Định	811.640.000	1.056.640.000
Ban quản lý Dự án đầu tư và Xây dựng TP.Nam Định	57.647.000	567.309.000
Tập đoàn Nam Cường	671.233.070	-
Ủy ban nhân dân huyện Ý Yên + Thị trấn Lâm	1.248.014.000	-
Thu đối tượng khác	172.330.351	748.848.101
Tổng	5.420.143.250	4.608.428.820

5.3. Phải thu về cho vay	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Ngắn hạn		
Đội thi công của Công ty	7.121.655.886	-
<i>Gồm:</i>		
Phạm Trường Giang	1.758.102.709	-
Ngô Tiến Giang	526.967.912	-
Trần Phi Long	4.836.585.355	-
Tổng	7.121.655.886	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.4 Phải thu khác	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	725.110.910	-	3.458.131.072	-
Bảo hiểm xã hội	4.657.762	-	13.242.034	-
Đảng phí và phí khác	84.888.589	-	96.495.474	-
Tạm ứng	100.799.285	-	3.116.802.290	-
Phải thu khác	534.765.274	-	231.591.274	-
b) Dài hạn	125.000.000	-	-	-
Ký cược, ký quỹ	125.000.000	-	-	-
Tổng	850.110.910	-	3.458.131.072	-

5.5 Hàng tồn kho	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	7.920.000	-	7.920.000	-
Công cụ, dụng cụ	391.084.389	-	77.982.620	-
Tổng	399.004.389	-	85.902.620	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ NAM ĐỊNH

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Số 89 đường Quang Trung, phường Quang Trung,

thành phố Nam Định

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.6 Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	PTVT truyền dẫn	Thiết bị QL	Tài sản cố định khác	Tổng	Đơn vị tính: VND
NGUYÊN GIÁ							
Số dư tại 01/01/2021	21.323.582.889	16.892.878.004	12.042.922.474	238.449.000	-	50.497.832.367	
Tăng trong năm	-	-	1.164.157.727	-	-	1.164.157.727	
- Mua trong năm	-	-	1.164.157.727	-	-	1.164.157.727	
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-	
Số dư tại 31/12/2021	21.323.582.889	16.892.878.004	13.207.080.201	238.449.000	-	51.661.990.094	
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ							
Số dư tại 01/01/2021	15.245.074.625	16.892.878.004	11.197.007.733	151.470.425	-	43.486.430.787	
Tăng trong năm	733.071.426	-	448.032.021	28.992.857	-	1.210.096.304	
- Khấu hao trong năm	733.071.426	-	448.032.021	28.992.857	-	1.210.096.304	
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-	
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-	
Số dư tại 31/12/2021	15.978.146.051	16.892.878.004	11.645.039.754	180.463.282	-	44.696.527.091	
GIÁ TRỊ CÒN LẠI							
Tại 01/01/2021	6.078.508.264	-	845.914.741	86.978.575	-	7.011.401.580	
Tại 31/12/2021	5.345.436.838	-	1.562.040.447	57.985.718	-	6.965.463.003	

Tại ngày 31/12/2021, Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là: 27.190.222.102 VND (tại ngày 31/12/2020 là: 27.190.222.102 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.7 Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Tổng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại 01/01/2021	4.488.742.000	4.488.742.000
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2021	4.488.742.000	4.488.742.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại 01/01/2021	-	-
Số dư tại 31/12/2021	-	-
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại 01/01/2021	4.488.742.000	4.488.742.000
Tại 31/12/2021	4.488.742.000	4.488.742.000

5.8 Chi phí trả trước

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
a) Ngắn hạn	17.180.000	-
Công cụ, dụng cụ	10.725.000	-
Chi phí khác	6.455.000	-
b) Dài hạn	6.822.243	107.647.643
Công cụ, dụng cụ	4.916.000	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.906.243	107.647.643
Tổng	24.002.243	107.647.643

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.9 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước*Đơn vị tính: VND*

	01/01/2021	Số phải nộp	Số đã nộp	31/12/2021
a) Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	128.762.880	1.673.285.076	1.481.785.383	320.262.573
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	116.355.844	116.355.844	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	78.568.810	78.568.810	-
Tiền thuê đất	-	283.424.000	283.424.000	-
Phải nộp khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Tổng	128.762.880	2.154.633.730	1.963.134.037	320.262.573
b) Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	67.263.264	-	442.131.846	509.395.110
Thuế thu nhập cá nhân	52.110.257	-	35.978.450	88.088.707
Phải nộp khác	970.514	-	-	970.514
Tổng	120.344.035	-	478.110.296	598.454.331

5.10 Phải trả khác

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
a) Ngắn hạn	5.141.474.921	634.760.005
Kinh phí công đoàn	65.181.040	69.407.905
Cổ tức phải trả cổ đông	563.195.100	559.295.100
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.513.098.781	6.057.000
b) Dài hạn	389.414.300	309.650.300
Các khoản phải trả, phải nộp khác	389.414.300	309.650.300
Tổng	5.530.889.221	944.410.305

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.11 Vốn chủ sở hữu*Đơn vị tính: VND*

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại ngày 01/01/2020	18.416.170.000	94.730.932	201.003.949	18.711.904.881
Lãi trong năm	-	-	1.205.766.429	1.205.766.429
Tăng khác trong năm	-	68.994.554	-	68.994.554
Chia cổ tức	-	-	(552.485.100)	(552.485.100)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	(68.994.554)	(68.994.554)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(344.972.772)	(344.972.772)
Giảm khác trong năm	-	-	(26.884.870)	(26.884.870)
Số dư tại ngày 31/12/2020	18.416.170.000	163.725.486	413.433.082	18.993.328.568
Số dư tại ngày 01/01/2021	18.416.170.000	163.725.486	413.433.082	18.993.328.568
Lãi trong năm	-	-	714.757.320	714.757.320
Tăng khác trong năm	-	53.511.982	-	53.511.982
Chia cổ tức {1}	-	-	(552.485.100)	(552.485.100)
Trích quỹ đầu tư phát triển {1}	-	-	(53.511.982)	(53.511.982)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi {1}	-	-	(321.071.893)	(321.071.893)
Giảm khác trong năm {2}	-	-	(57.950.759)	(57.950.759)
Số dư tại ngày 31/12/2021	18.416.170.000	217.237.468	143.170.668	18.776.578.136

{1} Căn cứ Nghị quyết số 02/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/4/2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, Công ty tạm phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức theo kế hoạch năm 2021 đã được thông qua. Theo đó, Số chia cổ tức: 552.485.100 VND (= 3% x Vốn điều lệ), số trích quỹ đầu tư phát triển: 53.511.982 VND (= 5% x (số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước + số lợi nhuận sau thuế năm nay)), số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi: 321.071.893 VND (= 30% x (số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước + số lợi nhuận sau thuế năm nay)). Việc phân phối Lợi nhuận sẽ được chính thức thông qua vào Đại hội đồng cổ đông thường niên dự kiến vào tháng 04 năm 2022.

{2} Giảm lợi nhuận thực hiện năm 2020 theo Biên bản quyết toán với Phòng tài chính kế hoạch thuộc Sở tài chính thành phố Nam Định.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
1. UBND tỉnh Nam Định	9.392.970.000	9.392.970.000
2. Các cổ đông khác	9.023.200.000	9.023.200.000
Tổng	18.416.170.000	18.416.170.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.11 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

c) Các giao dịch về vốn	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu năm	18.416.170.000	18.416.170.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	18.416.170.000	18.416.170.000

d) Cổ phiếu	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.841.617	1.841.617
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.841.617	1.841.617
Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân	1.841.617	1.841.617
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

5.12 Nguồn kinh phí và quỹ khác

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
a) Nguồn kinh phí		
Nguồn kinh phí dư đầu năm	(28.496.000)	-
Nguồn kinh phí được cấp trong năm	19.601.852.851	17.983.550.002
Chi sự nghiệp trong năm	19.573.228.851	18.012.046.002
Nguồn kinh phí còn lại cuối năm	128.000	(28.496.000)
b) Nguồn kinh phí hình thành TSCĐ		
Số dư Đầu năm	8.392.919.969	8.964.807.969
Hao mòn của TSCĐ dùng cho hoạt động công ích	571.888.000	571.888.000
Số dư Cuối năm	7.821.031.969	8.392.919.969

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	48.295.783.165	48.702.207.640
Doanh thu hợp đồng xây dựng	3.840.930.017	4.361.014.586
Tổng	52.136.713.182	53.063.222.226
6.2 Giá vốn hàng bán	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	42.318.691.627	42.972.607.565
Giá vốn hợp đồng xây dựng	3.687.292.817	4.120.334.003
Tổng	46.005.984.444	47.092.941.568
6.3 Doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	641.341.260	927.772.891
Tổng	641.341.260	927.772.891
6.4 Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nhân viên quản lý	4.551.942.776	4.264.346.904
Chi phí đồ dùng văn phòng	48.985.150	62.803.591
Khấu hao TSCĐ	298.363.000	177.823.497
Chi phí bằng tiền khác	1.238.650.348	1.220.238.534
Tổng	6.137.941.274	5.725.212.526

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

6.5 Thu nhập khác	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Thu tiền dịch vụ và thu khác	212.584.440	253.207.150
Tổng	212.584.440	253.207.150
6.6 Chi phí khác	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí khác	15.600.000	20.635.000
Tổng	15.600.000	20.635.000
6.7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	831.113.164	1.405.413.173
Các khoản điều chỉnh		
Chi phí không được trừ	-	20.635.000
- <i>Chi phí không hợp lệ</i>	-	20.635.000
Thu nhập tính thuế TNDN trong kỳ	831.113.164	1.426.048.173
Thuế suất	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp	166.222.634	285.209.635
<i>Thuế TNDN giảm (30%) theo Nghị định số 114/2020/NĐ-CP ngày 25/09/2020 của Chính phủ</i>	-	(85.562.890)
<i>Thuế TNDN giảm (30%) theo Nghị định số 92/2021/NĐ-CP ngày 27/10/2021 của Chính phủ</i>	(49.866.790)	-
Tổng số thuế phải nộp	116.355.844	199.646.744

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

6.8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	714.757.320	1.205.766.429
Các khoản điều chỉnh giảm	321.071.893	344.972.772
(i) - Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	321.071.893	344.972.772
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông	393.685.427	860.793.656
Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân	1.841.617	1.841.617
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	214	467

- (i) Quỹ khen thưởng, phúc lợi đang tạm trích theo số kế hoạch đã được phê duyệt tại Nghị quyết số 02/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/4/2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021. Việc phân phối Lợi nhuận sẽ được chính thức thông qua vào Đại hội đồng cổ đông thường niên dự kiến vào tháng 04 năm 2022.

6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nguyên vật liệu	16.059.854.612	14.109.107.316
Chi phí nhân công	25.850.489.625	25.607.711.797
Chi phí khấu hao tài sản cố định	638.208.304	653.481.057
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.499.778.336	3.295.030.903
Chi phí bằng tiền khác	158.274.417	1.486.546.238
Tổng	44.206.605.294	45.151.877.311

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**7.1 Thông tin bên liên quan****Thông tin****Đối tượng****Quan hệ**

Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành

Các thành viên giữ chức vụ quan trọng và
tham gia điều hành công ty

và các thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân là bên liên quan của Tổng công ty

*Bao gồm:***Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành**

Đỗ Minh Dũng

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Phạm Thái Sơn

Thành viên HĐQT

Lê Chí Hiên

Thành viên HĐQT

Phạm Thị Hải Quỳnh

Thành viên HĐQT

Đinh Thị Hằng

Thành viên HĐQT

Ban Kiểm soát

Trần Việt Dũng

Trưởng ban

Trần Thị Trung Hậu

Thành viên

Nguyễn Thu Hiền

Thành viên

7.2 Giao dịch với bên liên quan**Thu nhập của Ban điều hành****Năm 2021**
VND**Năm 2020**
VND**1. Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành****1.395.542.000****1.360.025.312**

Đỗ Minh Dũng

412.909.000

403.092.056

Phạm Thái Sơn

358.322.000

352.258.360

Lê Chí Hiên

307.056.000

303.061.528

Phạm Thị Hải Quỳnh

302.955.000

301.613.368

Đinh Thị Hằng

14.300.000

-

2. Ban Kiểm soát**457.408.000****524.556.280**

Trần Việt Dũng

248.405.000

247.046.392

Trần Thị Trung Hậu

138.073.000

136.116.672

Nguyễn Thu Hiền

70.930.000

141.393.216

Tổng**1.852.950.000****1.884.581.592**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

7.3 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.


Nam Định, ngày 22 tháng 3 năm 2022

Người lập



Phạm Thị Hải Quỳnh

Kế toán trưởng



Phạm Thị Hải Quỳnh

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Đỗ Minh Dũng